DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: 2143 ***/QĐ – VPCNCLQG***

ngày 06 ***tháng 08 năm 2025 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia /of BoA Director)***

Tên phòng thí nghiệm:	**Khoa xét nghiệm, Chẩn đoán hình ảnh - Thăm dò chức năng**
Laboratory:	***Deparment of Imaging, Diagnostics and Testing***
Tổ chức /Cơ quan chủ quản:	**Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Lai Châu**
Organization:	***Lai Châu's Center for Disease Control***
Số hiệu/ *Code:*	**VILAS 841**
Chuẩn mực công nhận *Accreditation criteria*	**ISO/IEC 17025:2017**
Lĩnh vực:	**Hóa, Sinh**
Field:	***Chemical, Biological***
Người quản lý:	**Trần Đỗ Kiên**
Laboratory manager:	***Tran Do Kien***
Hiệu lực công nhận *Period of Validation:*	**Kể từ ngày** 06 **/ 08 / 2025 đến ngày 23 / 07 / 2029**
Địa chỉ: *Address*:	**Tổ 27, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu** ***Group 27, Tan Phong ward, Lai Chau province***
Địa điểm: *Location:*	**Tổ 27, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu** ***Group 27, Tan Phong ward, Lai Chau province***
Điện thoại/ *Tel*:	**0213.3790647**
Email:	**phamtrungdslc@gmail.com**
Website:	

Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa
Field of testing: Chemical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể/ *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử/ *Test method*
1.	**Nước sạch, nước dưới đất, nước mặt** ***Domestic water, ground water, surface water***	Xác định hàm lượng Clorua Phương pháp chuẩn độ bạc nitrat với chỉ thị Cromat (phương pháp MO) *Determination of Chloride content* *Silver Nitrat titration with Chlomate indicator (Mohr's method)*	5 mg/L	TCVN 6194: 1996
2.		Xác định tổng Canxi và Magie Phương pháp chuẩn độ EDTA *Determination of the sum of Calcium and Magnesium content* *EDTA titrimetric method*	5 mg $CaCO_3$/L	TCVN 6224: 1996
3.		Xác định hàm lượng Sulfat Phương pháp quang phổ hấp thụ phân tử *Determination of Sulfat content* *Molecular Absorption spectrometric method*	5 mg/L	EPA method 375.4:1978
4.	**Bánh mỳ** ***Bread***	Xác định độ ẩm Phương pháp sấy ở 105^0C *Determination of moisture content* *Oven method at 105^0C*		H.QT.04:2014

Ghi chú/*Note*:

- H.QT.04:2014: Phương pháp do phòng thí nghiệm xây dựng/ *Laboratory developed method*
- TCVN: Tiêu chuẩn Quốc gia/ *Vietnamese Standard*
- EPA: United States Environmental Protection Agency

Lĩnh vực thử nghiệm: Sinh

Field of testing: Biological

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể/ *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử/ *Test method*
1.	**Nước uống đóng chai, nước sạch, nước bể bơi đã khử khuẩn** ***Bottled drinking water, domestic water, disinfected swimming pool water***	Định lượng *Escherichia Coli* và Coliform. Phần 1: Phương pháp màng lọc *Enumeration of Escherichia Coli and Coliform* *Part 1: Membrane filtration method*		TCVN 6187-1:2019
2.	**Thịt và sản phẩm thịt, Bánh kẹo, Nước giải khát** ***Meat and meat products, candy, beverage***	Định lượng Coliform Kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất *Enumerration of Coliform* *Most probable number technique*		TCVN 4882:2007
3.		Định lượng *Escherichia Coli* giả định Kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất *Enumerration of presumptive Escherichia Coli* *Most probable number tęchnique*		TCVN 6846:2007

Trường hợp Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Lai Châu cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Lai Châu phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/*If It is mandatory for Deparment of Imaging, Diagnostics and Testing - Lai Châu's Center for Disease Control that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service*